

Số: 01/2022/QĐ-TBPS

Bình Dương, ngày 05 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
TUYÊN BỐ PHÁ SẢN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thẩm phán phụ trách tiến hành thủ tục phá sản: Ông Đào Minh Đa;

Căn cứ vào các Điều 9, 22, 23, khoản 3 Điều 52, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 107, Điều 108, khoản 2 Điều 110, Điều 111 và khoản 3 Điều 130 của Luật Phá sản năm 2014;

Căn cứ hồ sơ giải quyết việc phá sản thụ lý số 03/2021/TLST-PS ngày 12/3/2021 đối với Công ty TNHH A; địa chỉ: tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Quyết định mở thủ tục phá sản số 01/2021/QĐ-MTTPS ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, theo đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của Công ty TNHH B, địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quyết định chỉ định Quản tài viên số 01/2021/QĐ-CDQTV ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chỉ định ông Nguyễn Bảo Kha, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 80, đường DX 105, khu phố 9, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số 357/TP/QTV-CCHN do Bộ Tư pháp cấp ngày 23/11/2015 là Quản tài viên làm nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản đối với Công ty TNHH A;

Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện thủ tục phá sản của Quản tài viên;

Căn cứ Nghị quyết hội nghị chủ nợ số 01/2022/NQ-HNCN ngày 13/4/2022;

Xét thấy, tại hội nghị chủ nợ các chủ nợ thống nhất đề nghị Tòa án tuyên bố phá sản đối với Công ty TNHH A;

Xét ông P, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH A đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 18 và khoản 5 Điều 28 của Luật Phá sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Tuyên bố Công ty TNHH A; địa chỉ: tỉnh Bình Dương bị phá sản.

Điều 2: Chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH A có mã số doanh nghiệp số 3700348xxx; Đăng ký lần đầu ngày 16/5/2008 (cấp đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần 5 ngày 27/7/2018) theo nội dung quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 108 của Luật Phá sản.

Chấm dứt quyền hạn của người đại diện theo pháp luật đối với ông P, chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH A.

Chấm dứt các hợp đồng lao động (đối với hợp đồng còn hiệu lực) giữa người lao động với Công ty TNHH A.

Điều 3:

3.1. Tài sản doanh nghiệp, bao gồm:

- Tài sản do Quản tài viên đã kiểm kê (có danh sách tài sản kèm theo do Quản tài viên lập), giá trị được xác định sau khi phát mãi.

- Giao Quản tài viên đại diện Công ty TNHH A thực hiện các thủ tục đòi nợ đối với người mắc nợ và tranh chấp các tài sản khác của doanh nghiệp bị phá sản (nếu có) theo quy định tại khoản 4 Điều 114 và Điều 127 của Luật Phá sản.

3.2. Nghĩa vụ về tài chính của Công ty TNHH A:

- Tổng số nợ có bảo đảm là 120.424.271.304 đồng (một trăm hai mươi tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi một nghìn ba trăm linh bốn đồng; có danh sách 02 chủ nợ kèm theo do Quản tài viên lập).

- Tổng số nợ không có bảo đảm là = 92.007.479.048 đồng (chín mươi hai tỷ không trăm linh bảy triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn không trăm bốn mươi tám đồng, có danh sách 92 chủ nợ kèm theo do Quản tài viên lập).

Không tiếp tục tính lãi đối với các khoản nợ trên kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản.

- Chi phí phá sản:

- + Chi phí Tòa án chi đăng báo mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố phá sản: 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng và chi phí dự toán thực hiện tổng đạt quyết định tuyên bố phá sản, đóng tài khoản ngân hàng: 1.000.000 (một triệu) đồng, tổng cộng: 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí phá sản do Công ty TNHH B nộp. Số tiền tạm ứng chi phí phá sản còn lại 77.400.000 (bảy mươi bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng được chuyển vào tài khoản của cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- + Chi phí phá sản, chi phí Quản tài viên thực hiện theo quy định tại Điều 23, 24 của Luật Phá sản; khoản 4 Điều 21 Nghị định 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; khoản 7 Điều 21 Nghị định 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

3.3. Tài sản của Công ty TNHH A được phân chia theo thứ tự như sau:

3.3.1. Nợ có bảo đảm tại: Ngân hàng và Ngân hàng B– Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện như sau:

a) Được thanh toán bằng tài sản bảo đảm theo các hợp đồng đã ký kết.

b) Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số nợ thì phần nợ còn lại sẽ được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp nếu giá trị tài sản bảo đảm lớn hơn số nợ.

3.3.2. Thứ tự phân chia tài sản sau khi đã trừ chi phí phá sản, chi phí Quản tài viên, thanh toán nợ bảo đảm được thực hiện như sau:

(1) Khoản nợ đối với người lao động tổng số tiền 4.217.908.510 (bốn tỷ hai trăm mười bảy triệu chín trăm linh tám nghìn năm trăm mười) đồng và Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An 3.447.504.324 (ba tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm linh bốn nghìn ba trăm hai mươi bốn) đồng (theo danh sách chủ nợ kèm theo).

(2) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ (theo danh sách chủ nợ kèm theo).

3.3.3. Sau khi xác định được giá trị tài sản thực hiện như sau:

- Trường hợp giá trị tài sản của doanh nghiệp sau khi đã thanh toán đủ các khoản nêu trên mà vẫn còn thì phần còn lại này thuộc về Chủ sở hữu công ty (J; Mã số doanh nghiệp số 125-81-13xxx; địa chỉ: Seoul, Hàn Quốc).

- Nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán theo quy định tại mục 3.3.2. Điều này thì cùng một đối tượng ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

Điều 4. Hoàn trả cho Công ty TNHH B số tiền tạm ứng chi phí phá sản 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng sau khi bán tài sản của doanh nghiệp bị phá sản.

Điều 5: Cẩm ông P, sinh ngày: 13/9/1953, quốc tịch: Hàn Quốc, hộ chiếu số M26319xxx ngày 12/3/2015 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp; địa chỉ thường trú: Seoul, Hàn Quốc thành lập doanh nghiệp, làm người quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam trong thời hạn 03 năm kể từ ngày 05/5/2022.

Điều 6: Lệ phí phá sản: Công ty TNHH B phải nộp 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí phá sản đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044639 ngày 22/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Điều 7: Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc được thông báo hợp lệ, Công ty TNHH A, Công ty TNHH B, các chủ nợ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương, Cục Thuế tỉnh Bình Dương, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương có quyền đề nghị xem xét lại; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có quyền kháng nghị quyết định này./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Cục Thuế tỉnh Bình Dương;
- Công ty TNHH A;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Các chủ nợ;
- Đăng báo Bình Dương;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Cổng thông tin ĐKDN quốc gia;
- Lưu: Hồ sơ phá sản, HCTP, Tòa Kinh tế.

THẨM PHÁN**Đào Minh Đa**